

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 11**Môn: Toán – Lớp 5***Thời gian làm bài: 40 phút***Câu 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a) $20 \text{ dam}^2 = 200 \text{ m}^2$

b) $20 \text{ dam}^2 = 2000 \text{ m}^2$

c) $12000 \text{ m}^2 = 120 \text{ km}^2$

d) $12000 \text{ m}^2 = 12 \text{ km}^2$

Câu 2. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a) $300 \text{ hm}^2 = 30000 \text{ dm}^2$

b) $300 \text{ hm}^2 = 3000 \text{ dm}^2$

c) $125000 \text{ dam}^2 = 125 \text{ hm}^2$

d) $125000 \text{ dam}^2 = 1250 \text{ hm}^2$

Câu 3. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a) $15000 \text{ mm}^2 = 1500 \text{ cm}^2$

b) $15000 \text{ mm}^2 = 150 \text{ cm}^2$

c) $42000 \text{ cm}^2 = 420 \text{ dm}^2$

d) $42000 \text{ cm}^2 = 4200 \text{ dm}^2$

Câu 4. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**:

a) $8 \text{ m}^2 = \frac{8}{10} \text{ dam}^2$

b) $8 \text{ m}^2 = \frac{8}{100} \text{ dam}^2$

c) $4 \text{ hm}^2 5 \text{ dam}^2 = 4 \frac{5}{10} \text{ hm}^2$

d) $4 \text{ hm}^2 5 \text{ dam}^2 = 4 \frac{5}{100} \text{ hm}^2$

e) $7 \text{ cm}^2 16 \text{ mm}^2 = 7 \frac{16}{10} \text{ cm}^2$

g) $7 \text{ cm}^2 16 \text{ mm}^2 = 7 \frac{16}{100} \text{ cm}^2$

Câu 5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 200m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài.

Hỏi khu đất có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- A. 3000ha
- B. 300ha
- C. 30ha
- D. 3ha

Câu 6. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền số vào chỗ chấm: $\frac{4}{5}$ ha = m²

- A. 80
- B. 800
- C. 8000
- D. 80000

Câu 7. Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy là 5dam 4m. Chiều cao bằng $\frac{5}{9}$ cạnh đáy.

Hỏi thửa ruộng đó có diện tích bao nhiêu đề-ca-mét vuông?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Một căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Người ra lát nền căn phòng đó bằng loại gạch vuông cạnh 3dm.

Hỏi căn phòng đó lát hết bao nhiêu viên gạch (diện tích phần mạch vữa không đáng kể).

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1.**Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 ; 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

Cách giải:

$$+) 1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 \text{ nên } 20 \text{ dam}^2 = 2000 \text{ m}^2$$

$$+) 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2 \text{ nên } 12 \text{ km}^2 = 12\,000\,000 \text{ m}^2$$

$$120 \text{ km}^2 = 120\,000\,000 \text{ m}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) S; b) Đ; c) S; d) S.

Câu 2.**Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$1 \text{ hm}^2 = 100 \text{ dam}^2 ; 1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

Cách giải:

$$+) 1 \text{ hm}^2 = 100 \text{ dam}^2 \text{ nên } 300 \text{ hm}^2 = 30000 \text{ dam}^2$$

$$+) \text{ Tính nhẩm } 125000 : 100 = 125 \text{ do đó } 125000 \text{ dam}^2 = 1250 \text{ hm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ.

Câu 3.**Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo: $1 \text{ cm}^2 = 10000 \text{ mm}^2 ; 1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$

Cách giải:

$$+) \text{ Ta có } 1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

$$\text{Do đó } 15000 \text{ mm}^2 = 150 \text{ cm}^2$$

$$+) 1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2. \text{ Do đó } 42000 \text{ cm}^2 = 420 \text{ dm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) S; b) Đ; c) Đ; d) S.

Câu 4.**Phương pháp:**

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$$+) 1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ m}^2 \text{ hay } 1 \text{ m}^2 = \frac{1}{100} \text{ dam}^2$$

$$+) 1\text{hm}^2 = 100\text{dam}^2 \text{ hay } 1\text{dam}^2 = \frac{1}{100}\text{hm}^2$$

Cách giải:

$$8\text{m}^2 = \frac{8}{100}\text{dam}^2$$

$$4\text{hm}^2 5\text{dam}^2 = 4\frac{5}{100}\text{hm}^2$$

$$7\text{cm}^2 16\text{mm}^2 = 7\frac{16}{100}\text{cm}^2$$

Ta có kết quả như sau:

a) S; b) Đ; c) S;

d) Đ; e) S; g) Đ.

Câu 5.

Phương pháp:

- Tính chiều rộng = chiều dài x $\frac{3}{4}$

- Tính diện tích khu đất = chiều dài x chiều rộng.

- Đổi số đo diện tích sang đơn vị đo là héc-ta, lưu ý rằng 1 ha = 10000m²

Cách giải:

Chiều rộng là khu đất đó là:

$$200 \times \frac{3}{4} = 150 \text{ (m)}$$

Diện tích khu đất là:

$$200 \times 150 = 30000 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi } 30000 \text{ m}^2 = 3 \text{ ha}$$

Chọn D.

Câu 6.

Phương pháp:

Ta có 1ha = 10000m² nên để đổi số đo từ đơn vị ha sang đơn vị m² ta lấy 10000 nhân với số đó.

Cách giải:

$$\text{Ta có } 1\text{ha} = 10000\text{m}^2 \text{ nên } \frac{4}{5}\text{ha} = 8000\text{m}^2$$

Chọn C.

Câu 7.

Phương pháp:

- Đổi: 5dam 4m = 54m

- Tính chiều cao thửa ruộng = độ dài đáy $\times \frac{5}{9}$

- Tính diện tích thửa ruộng = độ dài đáy \times chiều cao.

- Đổi số đo diện tích sang đơn vị đo là đề-ca-mét vuông, lưu ý rằng $1 \text{ dam}^2 = 100 \text{ cm}^2$

Cách giải:

Đổi: 5dam 4m = 54m

Chiều cao thửa ruộng đó là:

$$54 \times \frac{5}{9} = 30 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$54 \times 30 = 1620 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$1620 \text{ m}^2 = 16 \text{ dam}^2 20 \text{ m}^2$$

Đáp số: 16dam² 20m²

Câu 8.

Phương pháp:

- Tính chiều dài = chiều rộng $\times \frac{3}{2}$

- Tính diện tích căn phòng = chiều dài \times chiều rộng; sau đó đổi sang đơn vị đo là đề-xi-mét vuông.

- Tính diện tích một viên gạch vuông = cạnh \times cạnh.

- Tính số gạch cần dùng = diện tích căn phòng : diện tích một viên gạch vuông.

Cách giải:

Chiều dài gấp rưỡi chiều rộng tức là chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng.

Chiều dài căn phòng là:

$$6 \times \frac{3}{2} = 9 \text{ (m)}$$

Diện tích căn phòng đó là:

$$9 \times 6 = 54 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$54 \text{ m}^2 = 5400 \text{ dm}^2$$

Diện tích viên gạch để lát nền là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Số gạch dùng để lát căn phòng đó là :

$$5400 : 9 = 600 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 600 viên.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com